

Bản án số: 53/2020/DS-ST

Ngày 30- 12- 2020

“V/v Tranh chấp hợp đồng góp hui”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thom.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Hữu Tịnh và bà Trần Thị Mộng Lành.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mau – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thủy – kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 162/2020/TLST-DS ngày 26 tháng 10 năm 2020 về việc: “Tranh chấp hợp đồng góp hui (Họ)” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 142/2020/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1976

Cùng địa chỉ: Ấp X, xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1966

Địa chỉ: Ấp X, xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết tại Tòa án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H trình bày:

Vào năm 2015 bà H có tham gia 05 dây hui do bà N làm chủ hui, trong đó có 03 dây hui nửa tháng mỗi dây có 30 phần (chân) hui và trị giá mỗi phần hui là 500.000 đồng và 02 dây hui 10 ngày mỗi dây hui có 30 phần hui và trị giá mỗi phần hui là

300.000 đồng. Việc chơi hụi, đóng hụi các bên không làm giấy tờ biên nhận và không lập sổ sách theo dõi chung. Bà H nuôi hụi và đóng tiền hụi cho đến khi mãn hụi mới hốt hụi nhưng sau khi hốt hụi thì bà N không giao tiền hụi. Số tiền hụi hiện bà N còn nợ của bà H tổng cộng là 66.000.000 đồng, bà H khởi kiện yêu cầu bà N trả đủ số tiền 66.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, bà H thống nhất với ý kiến xác nhận nợ của bà N về việc bà N còn nợ tiền hụi của bà H 45.000.000 đồng và yêu cầu bà H trả số nợ 45.000.000 đồng, ngoài ra không còn yêu cầu nào khác.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, bà Nguyễn Thị N có ý kiến trình bày như sau:

Trước đây chồng của bà N có hỏi vay tiền của bà H, chồng bà N đã trả lãi cho bà H được 04 năm, còn năm cuối không còn khả năng đóng lãi. Vì bà N làm chủ hụi nên giữa bà N và bà H thỏa thuận tiền lãi mà chồng bà N phải trả cho bà H thì sẽ chuyển thành tiền đóng hụi của bà H. Như vậy bà H đã tham gia chơi của bà N tổng cộng 05 dây hụi gồm 03 dây hụi nửa tháng mỗi dây hụi có 30 phần hụi và trong mỗi dây hụi bà H chơi 01 phần hụi; 02 dây hụi 10 ngày mỗi dây hụi có 30 phần hụi và trong mỗi dây hụi bà H tham gia 01 phần hụi. Bà H không dùng tiền mặt để đóng hụi mà dùng số tiền lãi phát sinh từ số tiền cho chồng bà N vay để đóng 05 dây hụi cho tới khi mãn hụi. Bà N xác nhận việc chơi hụi giữa các bên chỉ thỏa thuận miệng không có giấy tờ ghi chép chung. Đối với số tiền mà chồng bà N vay của bà H thì vợ chồng bà N đã trả cho bà H cách nay 03 năm.

Nay bà N thừa nhận còn nợ của bà H 45.000.000 đồng tiền hụi, đồng ý trả số nợ 45.000.000 đồng nhưng đề nghị được trả nợ dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Qua yêu cầu khởi kiện và ý kiến của các đương sự đã thống nhất và không thống nhất với nhau các vấn đề sau:

Thống nhất: Bà N và bà H thống nhất xác nhận bà N còn nợ của bà H 45.000.000 đồng tiền hụi. Các đương sự cùng xác nhận việc chơi hụi không có sổ sách ghi chép chung và không có chứng cứ để cung cấp cho Tòa án.

Không thống nhất: Bà N xin trả nợ dần mỗi tháng 1.000.000 đồng, bà H không đồng ý đề nghị trả nợ dần của bà N.

Kết quả thu thập chứng cứ:

Chứng cứ do nguyên đơn cung cấp: 01 Biên bản hòa giải của ấp X, xã N được lập ngày 12/5/2020.

Chứng cứ do bị đơn cung cấp: Bản trình bày ý kiến ngày 02/11/2020.

Chứng cứ do Tòa án thu thập: Biên bản lấy lời khai của bà H.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, thư ký phiên tòa và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Không có kiến nghị về phần thủ tục tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà N trả cho bà H số tiền 45.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật tranh chấp: Tranh chấp phát sinh từ giao dịch dân sự và các đương sự đều có nơi cư trú trên địa bàn huyện A, căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên và quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là “Tranh chấp hợp đồng góp hui”.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo xác nhận của bà H và bà N vào năm 2015 bà H có tham gia chơi 05 dây hui do bà N làm chủ hui, các đương sự thống nhất với nhau về số dây hui, giá trị từng phần hui trong từng dây hui, tổng số phần hui trong từng dây hui mà bà H tham gia. Các đương sự đều xác nhận việc chơi hui với nhau chỉ là thỏa thuận miệng chứ không lập sổ sách theo dõi chung.

Quá trình giải quyết vụ án bà H và bà N không thống nhất với nhau về số tiền hui mà bà N còn nợ của bà H, cụ thể bà H xác định bà N nợ 66.000.000 đồng còn bà N cho rằng chỉ nợ của bà H 45.000.000 đồng. Các bên đều không cung cấp chứng cứ để minh cho ý kiến trình bày của mình. Tuy nhiên, đến phiên hòa giải ngày 10/12/2020 và tại phiên tòa hôm nay bà H và bà N đã thống nhất xác nhận bà N còn nợ của bà H 45.000.000 đồng tiền hui. Việc xác nhận nợ của các đương sự là cơ sở để xác định bà N có nợ tiền hui của bà H là sự thật.

Theo xác nhận của các đương sự các dây hui mà bà H tham gia đều đã mất từ nhiều năm, tuy nhiên đến nay bà N không thực hiện giao tiền hui cho bà H là đã vi phạm quy định tại Điều 15 Nghị Định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hui, biêu, phường.

Căn cứ vào Điều 471 Bộ luật dân sự; Điều 27 Nghị Định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ về Họ, hui, biêu, phường; Điều 15, Điều 24, Điều 27 Nghị Định 144/2006/NĐ-CP ngày 06/4/2006 của Chính Phủ về Họ, hui, biêu, phường cần buộc bà N phải giao trả cho bà H số tiền hui là 45.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà N thống nhất trả bà H số tiền nợ hui là 45.000.000 đồng tuy nhiên đề nghị được trả nợ dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ nhưng không được bà H đồng ý do đó không có cơ sở để chấp nhận đề nghị trả nợ dần của bà N.

[3] Về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Nguyên đơn không có yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về ý kiến phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và đề nghị hướng giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát huyện An Biên tại phiên tòa là có cơ sở và căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử đã xem xét và ghi nhận trong quá trình giải quyết vụ án.

[5] Về án phí của vụ án: $45.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 1.125.000 \text{ đồng}$.

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên cần buộc bị đơn nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Hoàn trả cho bà H số tiền đã nộp tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 471 Bộ luật Dân sự 2015;
- Điều 27 Nghị Định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ về Hộ, hội, biểu, phường;
- Điều 15, Điều 24, Điều 27 Nghị Định 144/2006/NĐ-CP ngày 06/4/2006 của Chính Phủ về Hộ, hội, biểu, phường;
- Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mỹ H.

Buộc bà Nguyễn Thị N có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Mỹ H số tiền nợ hội là 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng). Nghĩa vụ trả nợ được thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền bà Nguyễn Thị Mỹ H không có yêu cầu nên không xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Nguyễn Thị N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 1.125.000 đồng (Một triệu, một trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Mỹ H số tiền đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm 1.650.000 đồng (Một triệu, sáu trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0006966 ngày 23/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện A tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A.

3. Báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 30/12/2020.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự" ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAT;
- VKS An Biên;
- THADS;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

(Đã ký)

Đinh Thị Thơm